

Kinh tế tư nhân (KTTN) ở nước ta đặc biệt là ở các tỉnh phía Nam, từ sau ngày miền Nam giải phóng và thống nhất đất nước, trong thực tế đã "trải qua một cuộc bể dâu...". Nhưng từ sau Đại hội 6 của Đảng, nhất là từ khi có Luật Doanh nghiệp tư nhân (Luật DNTN) và Luật công ty (Luật CT) ra đời các doanh nhân, trong khu vực KTTN đã xác định được và không còn bị những chần chừ động tâm lý nặng nề sau thời kỳ "cải tạo tư sản" ám ảnh nữa, không mấy ai còn phải lo sợ "làm giàu lên rồi sẽ bị cải tạo". Trái lại họ còn nhìn thấy được triển vọng tươi sáng trong tương lai.

ĐÃ CÓ CƠ SỞ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁP LÝ CẦN THIẾT BAN ĐẦU CHO SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KTTN

Luật DNTN và Luật CT đã khẳng định những nguyên tắc cơ bản như "thừa nhận sự bình đẳng trước pháp

Việt Nam.

Nhưng đến khi Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được sửa đổi lần thứ II (12.1992) đã cho phép DNTN, công ty tư nhân đều được quyền trực tiếp hợp tác trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc liên doanh với bên nước ngoài (điều 2, điểm 2).

Việc mở rộng cho phép các DNTN được hợp tác độc lập với nước ngoài là một chủ trương đúng đắn và phù hợp. Thực tế các doanh nghiệp tư nhân được thành lập sau khi Luật DNTN và Luật CT được ban hành có nguồn vốn không nhỏ, đồng thời với quy mô vừa và nhỏ các DNTN này hoạt động rất năng động. Trong khi đó những bà con Việt kiều ở nước ngoài cũng như một số đối tác khác mong muốn đầu tư vào Việt Nam với quy mô vừa phải, phù hợp với khả năng của họ. Đây là một biện pháp tốt để huy động mọi nguồn vốn của một bộ phận tư nhân Việt Nam và

phát triển.

THỰC TRẠNG VÀ TRIỂN VỌNG CỦA KTTN

Hiện nay cả nước có khoảng vạn đơn vị kinh tế ngoài quốc doanh với hơn 2 triệu lao động. Trong số này có khoảng 900 công ty và doanh nghiệp tư nhân mới thành lập trong mấy năm gần đây thu hút hơn 1 triệu lao động. Hàng năm, sản lượng công nghiệp ngoài quốc doanh chiếm 40-45% tổng sản lượng xã hội cả nước, 60-70% giá trị sản lượng công nghiệp địa phương trên 50% khối lượng vận chuyển, 60% tổng khối lượng hàng hóa bán buôn bán lẻ, 20% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước.

Những kết quả đạt được trên đây tuy của kinh tế ngoài quốc doanh nhưng thực chất chủ yếu là của KTTN. Bởi vì kinh tế tập thể bị đình đốn nặng nề, nhiều hợp tác xã bị giải thể và đang sắp xếp lại. So với năm 1988, hiện nay

TIẾP TỤC PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN Ở VIỆT NAM

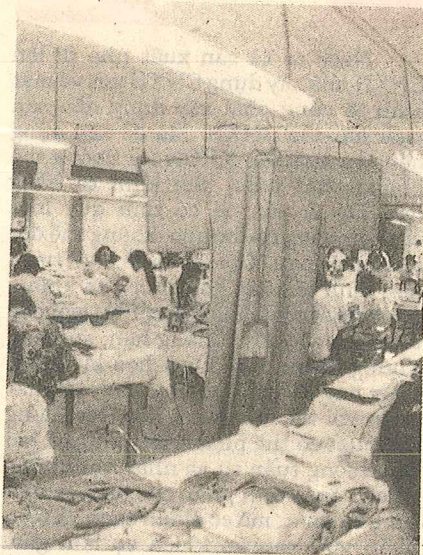
NGUYỄN ĐĂNG QUANG

Ủy viên hội đồng quản trị Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam

luật của doanh nghiệp tư nhân với các doanh nghiệp khác và tính sinh lợi hợp pháp của việc kinh doanh", "quyền tự do kinh doanh và chủ động trong mọi hoạt động kinh doanh" (Luật DNTN, điều 3). Đây là cơ sở và điều kiện pháp lý cần thiết ban đầu cho sự phát triển của kinh tế tư nhân ở nước ta.

Chúng ta vui mừng được thấy càng ngày vị trí pháp lý của KTTN càng được củng cố và nâng lên cho phù hợp với vai trò thực tế và tiềm năng to lớn của nó trong nền kinh tế của đất nước.

Cụ thể trước đây Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (12.1987) không cho phép các tổ chức kinh tế tư nhân Việt Nam được quyền hợp tác trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc liên doanh với bên nước ngoài. Nhưng Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam sửa đổi lần thứ nhất (06.1990) xác định: "Bên Việt Nam là một hoặc nhiều tổ chức kinh tế Việt Nam có tư cách pháp nhân thuộc các thành phần kinh tế" được quyền hợp tác trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc liên doanh trực tiếp với bên nước ngoài. Nghĩa là chỉ công nhận các công ty tư nhân (trách nhiệm hữu hạn, cổ phần) mới là bên đối tác với bên nước ngoài trong quan hệ hợp tác trên cơ sở hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc liên doanh theo Luật đầu tư nước ngoài tại



một số đối tác nước ngoài. Và lại quy mô xí nghiệp tư nhân vừa và nhỏ là loại hình sản xuất kinh doanh thích hợp và có hiệu quả nhiều ở nhiều nước trên thế giới.

Tóm lại Luật DNTN, Luật CT và nhiều văn bản pháp luật khác đã được nhà nước ban hành đang từng bước tạo ra một khung cảnh, một môi trường pháp lý thuận lợi cho KTTN ở nước ta

số lượng hợp tác xã giảm gần 400 đơn vị và hơn 2/3 số hợp tác xã không hoạt động được.

DNTN và công ty tư nhân đang phát triển mạnh. Riêng tại TP.HCM tính đến cuối năm 1992 đã có 658 đơn vị kinh tế hoạt động chính thức với tổng số vốn đăng ký ban đầu là 531,747 tỷ đồng, các đơn vị KTTN hoạt động trên nhiều lĩnh vực, nhưng tập trung nhiều nhất ở các ngành: thương mại, chế biến thực phẩm, mỹ phẩm, xây dựng, cao su, nhựa.

Trong vài năm gần đây, KTTN góp phần đáng kể vào sự biến đổi tích cực của tình hình kinh tế xã hội ở nước ta thể hiện trên các mặt sau đây:

1. Tỷ lệ tăng trưởng tương đối cao

Như phần trên đã trình bày, sản lượng công nghiệp ngoài quốc doanh mà chủ yếu là KTTN, không chỉ khu vực này chiếm một tỷ lệ rất lớn trong tổng sản lượng xã hội của cả nước mà điều quan trọng là tỷ lệ tăng trưởng cũng khá cao.

Thí dụ như ở TP.HCM, ước tính 1992, giá trị tổng sản lượng KTTN đạt 1.539,47 tỷ đồng tăng 12% so với 1991.

Ngoài ra, KTTN cũng đã thực hiện giá trị luân chuyển hàng hóa lớn. Chỉ trong 6 tháng đầu năm 1992, khu vực này đã thực hiện được 75,6% tổng lượng hàng hóa luân chuyển trong cả

nước (trên tổng mức 20.932 tỷ).

2. Đổi mới trang thiết bị

Nhiều đơn vị KTTN đã mạnh dạn đầu tư đổi mới thiết bị để cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm. Tại TP.HCM chỉ trong vòng 3 năm, từ 1990 đến 1992, khu vực này đã đầu tư khoảng trên 30 triệu USD thiết bị. Riêng trong ngành nhựa, năm 1992, các đơn vị này đã đầu tư mua sắm thiết bị mới 10 triệu USD, nhờ đó đã có nhiều mặt hàng xuất được ra nước ngoài, góp phần không nhỏ vào kim ngạch xuất khẩu của Thành phố.

3. Các đơn vị KTTN ngày càng tăng mạnh về quy mô đầu tư

Tất nhiên quy mô đầu tư của các đơn vị này trên cả nước không đều nhau, nhưng nhìn chung sự gia tăng đó tương đối nhanh, nhất là tại TP.HCM. Nếu 1991 chỉ có 269 đơn vị với vốn đăng ký ban đầu không quá 70 tỷ đồng thì năm 1992 đã tăng vọt lên tới 658 đơn vị với vốn đăng ký hơn 690 tỷ đồng nghĩa là tăng gấp 8 lần.

Tính đến cuối 1992 trong tổng số 658 đơn vị đã đăng ký kinh doanh có 54 đơn vị xin tăng vốn thêm 62,534 tỷ đồng, cá biệt có đơn vị xin điều chỉnh tăng gấp 3 lần số vốn đăng ký.

Trong thực tế rất ít có đơn vị chỉ hoạt động với số vốn đăng ký ban đầu mà vốn hoạt động của các đơn vị này thường lớn hơn gấp 10 - 20 lần so với vốn đăng ký. Hiện nay, ở TP ước tính cứ trên 60 đơn vị KTTN thì có ít nhất khoảng 30 đơn vị có vốn hoạt động từ 5 tỷ đến 40 tỷ đồng.

Hầu hết các đơn vị này lấy vốn của các thành viên trong gia đình, dòng họ, bạn bè thân thiết góp vào. Cũng có một số công ty, DNTN thường là bà con người Việt gốc Hoa được nước ngoài hỗ trợ 80 - 90% vốn hoạt động thông qua hình thức vay vốn hoặc bán thiết bị trả chậm. Việc trả lại số ngoại tệ vay hoặc thiết bị bán trả chậm thường được thực hiện qua hình thức xuất khẩu nông lâm sản hoặc khẩu trừ dần vào chi phí làm hàng gia công cho nước ngoài.

4. Đã bắt đầu hình thành được một đội ngũ các nhà sản xuất kinh doanh hoạt động có hiệu quả trong cơ chế thị trường

Trong tổng số các đơn vị KTTN được thành lập theo Luật DNTN và Luật CT tuy đã có một số đơn vị hoặc không hội đủ các điều kiện quy định buộc phải giải thể hoặc tự giải thể, nhưng số đơn vị này chiếm tỷ lệ rất thấp (13,38%), còn phần lớn các đơn vị KTTN đều hoạt động ổn định và có chiều hướng phát triển tốt. Thậm chí hiện nay có một số đơn vị KTTN đã liên doanh với công ty nước ngoài theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và đang hoạt động có hiệu quả tuy số vốn đóng góp của hai bên không lớn lắm.

Chính luật pháp cho phép KTTN cùng với các thành phần kinh tế khác được "quyền tự do kinh doanh và chủ động trong mọi hoạt động kinh doanh" trong một nền kinh tế thị trường chấp nhận qui luật cạnh tranh đầy rủi ro, hiểm nguy, thử thách nhưng cũng có rất nhiều cơ may, những vận hội tốt đã làm xuất hiện một đội ngũ các nhà sản xuất kinh doanh giỏi.

5. KTTN ngày càng đóng góp thiết thực vào việc giải quyết các vấn đề xã hội bức thiết

Tính đến tháng 8.1992 các đơn vị KTTN tại TP.HCM đã thu hút được 210.150 lao động, mức thu nhập cá nhân bình quân trong các đơn vị này gần đây đã cao gấp 3 lần so với các đơn vị kinh tế quốc doanh.

Trong 6 tháng đầu năm 1992, KTTN đã đóng góp cho Nhà nước 200 tỷ thuế thu nhập (chưa tính các loại thuế khác).

Trong thực tế thành phần này phát triển cũng đã làm thay đổi suy nghĩ của nhiều người trong xã hội. Trước đây ai cũng có muốn một chỗ làm trong các cơ quan nhà nước, đơn vị kinh tế quốc doanh một phần vì mong đợi đời sống được ổn định mặc dầu mức lương chính thức không bao nhiêu, mặt khác họ coi đây là tiêu chuẩn cần phải có để được xã hội "tôn trọng". Nhưng ngày nay nhiều người lại suy nghĩ khác, họ cho rằng ở đâu mà sức lực và tài năng của họ được sử dụng tốt nhất và được trả công xứng đáng để đời sống của bản thân họ và gia đình được cải thiện là thiết thực tạo điều kiện cho họ góp phần làm giàu cho đất nước, thì họ có trách nhiệm gắn bó với nơi đó không phân biệt đó là cơ quan nhà nước, đơn vị kinh tế quốc doanh hay tư nhân.

Từ thực tế hoạt động trên đây cho phép chúng ta tin rằng một khi khung cảnh pháp lý của đất nước hình thành hoàn chỉnh theo hướng thực sự khuyến khích tất cả các thành phần kinh tế tham gia sản xuất kinh doanh và quan hệ kinh tế thương mại của Việt Nam với tất cả các nước trên thế giới phát triển tốt hơn nữa nhất là sau khi Mỹ bỏ cấm vận đối với Việt Nam thì triển vọng về sự phát triển của KTTN ở nước ta sẽ rất sáng sủa.

NHỮNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

Để tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển cần thực hiện tốt các chính sách cụ thể sau đây:

1. Hỗ trợ vốn

Nhà nước cần có những qui định pháp luật để giúp các đơn vị KTTN vay vốn ngân hàng để hoạt động sản xuất kinh doanh được dễ dàng. Ở đây không chỉ vấn đề lãi suất phải phù hợp mà còn là điều kiện để được vay vốn ngân

hàng không chỉ dựa vào tài sản đang có mà cần xem xét khả năng thực tế và triển vọng hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị đó.

2. Chính sách thuế hợp lý và công bằng

Chúng ta cần hiểu rằng thực hiện chính sách thuế không chỉ nhằm tìm nguồn thu cho ngân sách nhà nước, mà còn nhằm khuyến khích sản xuất kinh doanh phát triển và cũng là một hệ thống những biện pháp điều tiết thu nhập của nền kinh tế phát triển.

Cần có chính sách thuế hợp lý và công bằng để góp phần tạo ra động lực cho các hoạt động sản xuất kinh doanh trong khu vực này. Chúng ta không thể nào quên được rằng sự hạn chế của cơ chế bao cấp là ở chỗ chính cơ chế này đã làm triệt tiêu động lực sản xuất kinh doanh, và cả động lực làm việc của mọi người. Nhưng hiện nay một số điểm trong chính sách thuế của Nhà nước chưa công bằng, hợp lý.

Thí dụ doanh nghiệp trong nước phải đóng thuế doanh thu từ 1% đến 10% và thuế lợi tức từ 5% đến 50% trong khi các công ty nước ngoài chỉ chịu thuế lợi tức tối đa là 25%. Công ty nước ngoài đầu tư vào một số ngành được miễn thuế lợi tức tối đa đến 4 năm đầu, những người đầu tư trong nước chưa được hưởng ưu đãi này.

Chúng ta phải hiểu rằng Luật DNTN và Luật CT thực chất là Luật đầu tư trong nước. Vấn đề còn lại cần phải giải quyết là xây dựng chính sách thuế phù hợp để khuyến khích tất cả các thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh và Nhà nước cần chính thức cho phép bà con Việt kiều ở nước ngoài về nước đầu tư được quyền lựa chọn: hoặc theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam hoặc theo Luật DNTN và Luật CT.

3. Tạo điều kiện cho các doanh nhân tiếp cận với thị trường nước ngoài

"Trăm nghe không bằng một thấy", cách tốt nhất là tạo điều kiện thuận lợi nhất để cho họ được trực tiếp tiếp xúc với thị trường các nước trên thế giới, không cần phải qua những trung gian không cần thiết, thậm chí những trung gian này có khi trở thành vật cản đối với họ.

Ngoài ra cần khuyến khích các xí nghiệp công ty tư nhân tham gia vào hoạt động xuất nhập khẩu, thực hiện chủ trương rất thoáng hiện nay của Nhà nước là ai có hàng, có thị trường ở nước ngoài thì được quyền tham gia hoạt động xuất nhập khẩu, không phân biệt quốc doanh hay tư nhân.

Một khi những chính sách trên đây được thực hiện đầy đủ, chúng ta tin chắc rằng KTTN sẽ góp phần rất quan trọng vào sự tăng trưởng của nền kinh tế nước ta trong thời gian tới. ♣